



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

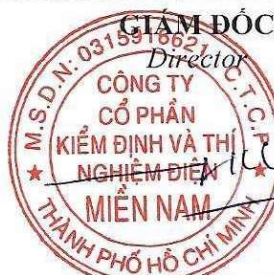
Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

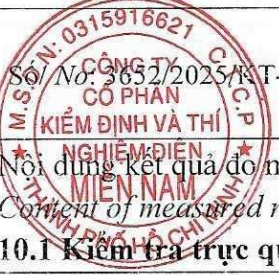
Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                |                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 3652/2025/KT-ETSC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b>                                                                 | Ngày/ Date: 15/11/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br><i>Customer:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>CÔNG TY TNHH K &amp; Đ</b>                                                                                                  |                                            |
| 2. Địa chỉ kiểm tra:<br><i>Place of testing:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số 450 đường Nguyễn Văn Tăng, Phường Long Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                               |                                            |
| 3. Đối tượng kiểm tra:<br><i>Type of testing:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tủ tải trở kháng<br><i>The impedance load cabinet</i>                                                                          |                                            |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br><i>Quantity/Installation location:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 01 Thiết bị/ <i>Equipment</i>                                                                                                  |                                            |
| 5. Phương pháp kiểm tra:<br><i>Method of testing:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | - Tham khảo QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN799-1: 2009; TCXDVN 394:2007; TCVN 7447-6:2021; Tài liệu nhà SX; Theo yêu cầu khách hàng |                                            |
| 6. Thời gian thực hiện:<br><i>Inspection Date:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 14/11/2025                                                                                                                     |                                            |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br><i>Specification:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Loại/ <i>Type</i> : BỘ THỦ TẢI 500KW                                                                                           |                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số quản lý/ <i>Serial No</i> : KĐ003                                                                                           |                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhà sản xuất/ <i>Manufacture</i> : Việt Nam                                                                                    |                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Điện áp định mức/ <i>Rated voltage</i> : 400V                                                                                  |                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Công suất/ <i>Power</i> : 550kW                                                                                                |                                            |
| 8. Phương tiện kiểm tra:<br><i>Testing equipment</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Kyoritsu 3125A; MI2892; Fluke 355; Fluke 287C.                                                                                 |                                            |
| 9. Điều kiện môi trường:<br><i>Environmental conditions:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                |                                            |
| 10. Kết quả kiểm tra:<br><i>Testing result:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Xem trang sau<br><i>See next page</i>                                                                                          |                                            |
| 11. Tem kiểm tra:<br><i>Testing stamp No:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>2392/25/ETSC</b>                                                                                                            |                                            |
| 12. Kết luận<br><i>Conclusion</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đạt yêu cầu về kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra<br><i>Satisfied technical requirements at the time of examination</i>           |                                            |
| 13. Khuyến cáo thời hạn kiểm tra lần sau: 11/2026<br><i>Recommended next testing period:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                |                                            |
| <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div> <p><b>Người Thực Hiện</b><br/><i>Executor</i></p>  <p><b>Nguyễn Đức Tiến Luyến</b></p> </div> <div> <p><b>GIÁM ĐỐC</b><br/><i>Director</i></p>  <p><b>Nguyễn Quốc Hoàn</b></p> </div> </div> |                                                                                                                                |                                            |



|                                                                                                                                                                                                                 |                                                                |                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|  Số/ No: 3652/2025/KT-ETSC<br>CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THI NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM<br>11/11 ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ, QUẬN 1, TP. HCM | <b>PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 15/11/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Tên chỉ tiêu<br>Content                                                        | Mức quy định cho phép<br>The level of provisions allowing                                      | Kết quả kiểm tra<br>Result              | Đánh giá<br>Assess |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|
| Nhãn mác, cảnh báo an toàn<br>Brand, safety warning                            | Đầy đủ<br>Full of Brand, safety warning                                                        | Đầy đủ<br>Full of Brand, safety warning | Đạt/ Pass          |
| Kiểu loại và kết cấu tổng thể<br>Type and general construction                 | Đúng với thiết kế<br>True to the design                                                        | Đúng với thiết kế<br>True to the design | Đạt/ Pass          |
| Tình trạng các khí cụ điện<br>Electronic instrument status                     | Hoạt động tốt<br>Good operation                                                                | Hoạt động tốt<br>Good operation         | Đạt/ Pass          |
| Tình trạng các kết nối<br>Connections status                                   | Chắc chắn<br>Secure                                                                            | Chắc chắn<br>Secure                     | Đạt/ Pass          |
| Tình trạng bề mặt kim loại<br>Metal surfaces                                   | Đúng với thiết kế<br>True to the design                                                        | Đúng với thiết kế<br>True to the design | Đạt/ Pass          |
| Thiết bị bảo vệ<br>Protection equipment                                        | Đúng với thiết kế<br>True to the design                                                        | Đúng với thiết kế<br>True to the design | Đạt/ Pass          |
| Dây dẫn điện, vỏ bọc cách điện/<br>Wire, basic insulation                      | Đúng với thiết kế<br>True to the design                                                        | Đúng với thiết kế<br>True to the design | Đạt/ Pass          |
| Thiết bị, bộ phận phụ trợ<br>Auxiliary equipment                               | Đúng với thiết kế<br>True to the design                                                        | Đúng với thiết kế<br>True to the design | Đạt/ Pass          |
| Nguyên lý hoạt động<br>Operating principle                                     | Đúng với thiết kế<br>True to the design                                                        | Đúng với thiết kế<br>True to the design | Đạt/ Pass          |
| Vệ sinh, quan sát bên ngoài<br>Hygiene, outside observation                    | Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện              | Còn tốt/ Good                           | Đạt/ Pass          |
| Thao tác chọn các chức năng bằng tay<br>Manually select the functions manually | The equipment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged. | Thao tác tốt/ Good                      | Đạt/ Pass          |

**10.2 Đo điện trở cách điện của tủ/ Insulation resistance measurement of cabinet:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Items | Mức quy định<br>Standard level (MΩ) | Kết quả<br>Result (MΩ) | Đánh giá<br>Evaluate |
|-----------|-----------------------|-------------------------------------|------------------------|----------------------|
| 01        | Phase A - (B+C+N+Vỏ)  | $\geq 1,0$                          | $> 100$                | Đạt/ Pass            |
| 02        | Phase B - (C+A+N+Vỏ)  | $\geq 1,0$                          | $> 100$                | Đạt/ Pass            |
| 03        | Phase C - (B+A+N+Vỏ)  | $\geq 1,0$                          | $> 100$                | Đạt/ Pass            |